

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2018

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Khu vực 5, thị trấn HH, huyện DH, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoài P - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trần Hoài P cưới nhau năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn HH ngày 29-7-2016. Quá trình chung sống thường bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng nhiều, đã ly thân từ cuối tháng 3 năm 2018.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoài P.

Về nuôi con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 04-5-2017 (đang sống chung với bà), bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/7/2018, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Trần Hoài P được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Hoài P, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trần Hoài P được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông P không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Bà T và ông P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 29-7-2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn HH, huyện DH, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về hôn nhân: Bà T và ông P xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng tháng 3 năm 2018, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn là

phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông P không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 04-5-2017, đang sống chung với bà T. Tuy bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của bà T là có căn cứ, nhưng xét con chung dưới 3 tuổi, giới tính nữ, sống chung với bà T từ trước đến nay, việc thay đổi người chăm sóc, môi trường sống, học tập sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà T phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên chấp nhận. Ngược lại, ông P không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của bà T, nên không có căn cứ xem xét.

[7] Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[8] Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông P được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, ông P không có ý kiến, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Hoài P.
2. Về nuôi con chung:

- Bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 04-5-2017, đang sống chung với bà T; Ông Trần Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông P được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008320 ngày 22-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn HH (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương